

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 23-8-2018

"V/v tranh chấp: Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Quang Liêu;

2/ Ông Nguyễn Mạnh Dũng;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 218/2018/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2018, về việc “Ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2018/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vương Thị Hải X, sinh năm: 1995

HKTT: Thôn H, xã S, huyện Ch, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Nơi cư trú: Thôn 1, xã Ph, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Lê Hữu Đ, sinh năm: 1984

HKTT: Thôn H, xã S, huyện Ch, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 5 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vương Thị Hải X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Hữu Đ tự nguyện tìm hiểu, tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình

Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2014, ký ngày 10 tháng 6 năm 2014. Sau thời gian chung sống thì chị và anh Lê Hữu Đ phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh Lê Hữu Đ đánh đập chị vô cớ. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh Lê Hữu Đ không có lập trường, không nghe lời giải thích của chị mà thường nghe theo lời của mẹ ruột. Đến khi con chung của chị và anh Lê Hữu Đ chết thì mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng, anh Lê Hữu Đ tự ý quyết định mọi việc trong gia đình, không có việc bàn bạc thảo luận với chị, xem chị là người ngoài; Ngoài ra sau khi xây nhà xong anh Lê Hữu Đ không tôn trọng chị, mắng chửi chị ở nơi đông người và đuổi chị ra khỏi nhà. Từ đó chị và anh Lê Hữu Đ sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh Lê Hữu Đ không thay đổi, không thể hiện ý muốn đoàn tụ mà còn kiếm chuyện với chị nhiều lần. Nay chị không còn tình cảm với anh Lê Hữu Đ, việc tiếp tục chung sống không mang lại hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Hữu Đ.

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Bị đơn anh Lê Hữu Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Lê Hữu Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Vương Thị Hải X tự nguyện tìm hiểu và chung sống từ năm 2013, đến giữa năm 2014 thì tiến hành đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 63/2014, ký ngày 10 tháng 6 năm 2014. Khoảng giữa năm 2016 giữa anh và chị Vương Thị Hải X xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do không thống nhất được với nhau trong công việc, mỗi người một tính cách, chị Vương Thị Hải X làm sai nhưng không chịu sửa chữa. Tình trạng mâu thuẫn trở nên trầm trọng hơn khi con chung của anh và chị Vương Thị Hải X chết khiến vợ chồng ngày càng lạnh nhạt thường xuyên cãi vã. Đến khoảng tháng 8/2016 thì anh và chị Vương Thị Hải X sống ly thân. Quá trình ly thân các bên không liên lạc với nhau không hàn gắn tình cảm. Nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị Vương Thị Hải X.

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Điều 55 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của anh Lê Hữu Đ và chị Vương Thị Hải X.

Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự buộc nguyên đơn chị Vương Thị Hải X nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và sổ tạm trú (bản photo); Bản đăng ký lưu trú (bản gốc); Bản tự khai ngày 28 tháng 5 năm 2017 của nguyên đơn Vương Thị Hải X; Biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 7 năm 2018 của bị đơn Lê Hữu Đ

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn thống nhất: Việc đăng ký kết hôn; Đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn; Về con chung, về tài sản chung và nợ chung đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tình tiết nguyên đơn, bị đơn không thống nhất: Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Hữu Đ (là bị đơn) đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, anh Lê Hữu Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt (bút lục số 16, 20). Theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Hữu Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vương Thị Hải X và anh Lê Hữu Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 10 tháng 6 năm 2014. Điều này phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn đã được giao nộp hợp pháp (bút lục số 05). Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch*”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Vương Thị Hải X và anh Lê Hữu Đ là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu giải quyết ly hôn: Chị Vương Thị Hải X và anh Lê Hữu Đ đều thừa nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Theo lời khai của các bên thì nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng là khác nhau. Tuy nhiên, chị Vương Thị Hải X và anh Lê Hữu Đ đều xác nhận

mâu thuẫn của vợ chồng là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Chị Vương Thị Hải X và anh Lê Hữu Đ đã có một khoảng thời gian sống ly thân nhưng không thể hàn gắn được. Hiện nay, chị Vương Thị Hải X và anh Lê Hữu Đ đều yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Vương Thị Hải X và anh Lê Hữu Đ.

[4] Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[6] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

[7] Về án phí: Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định *“Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*. Do đó, nguyên đơn chị Vương Thị Hải X phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Vương Thị Hải X và anh Lê Hữu Đ.

2. Về nuôi con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

5. Về án phí: Nguyên đơn chị Vương Thị Hải X phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0022064 ngày 28 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Phước (đã nộp xong).

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-8-2018), đương sự vắng mặt

tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND h.Bù Đăng;
- Chi cục THADS h.Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh